

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALIZAMA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ALIZAMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALIZAMA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALIZAMA.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107745767

**3. Ngày thành lập:** 03/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1 Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                   | 8552        |
| 2.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Giáo dục dự bị;     | 8559        |
| 3.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục                                                          | 8560        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                            | 4632        |
| 5.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                            | 4649        |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                           | 4651(Chính) |
| 8.  | Xuất bản phần mềm                                                                                             | 5820        |
| 9.  | Giáo dục mầm non                                                                                              | 8510        |
| 10. | Giáo dục tiểu học                                                                                             | 8520        |
| 11. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                          | 8532        |
| 12. | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                | 8542        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                               | 6209        |
| 14. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                            | 6311        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                               | 4659        |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh        | 4741        |
| 17. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                      | 4764        |

|     |                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ quà tặng, đồ lưu niệm                                                                                                     | 4773 |
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                 | 4620 |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                             | 3312 |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                          | 4610 |
| 22. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                    | 6202 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                     | 4652 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                       | 5610 |
| 25. | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                        | 8531 |
| 26. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                  | 6201 |
| 27. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                       | 4633 |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4759 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                    | 8299 |
| 30. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Hoạt động điều hành website (không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                              | 6312 |
| 31. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ thông tin qua điện thoại, mạng viễn thông                                                                                           | 6329 |
| 32. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                   | 5629 |
| 33. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                          | 8551 |
| 34. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                       | 8541 |
| 35. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Dịch vụ truy nhập Internet<br>- Dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông<br>- Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông | 6190 |
| 36. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                               | 7020 |
| 37. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                         | 6619 |
| 38. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                   | 4641 |

**6. Vốn điều lệ:** 13.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.390.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EDX | Số 8, ngách 19/9, phố Kim Đồng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.098.100  | 10.981.000.000        | 79,000    | 0101540932                                                                                  |         |
|     |                              |                                                                                             | Tổng số           | 1.098.100  | 10.981.000.000        | 79,000    |                                                                                             |         |
|     |                              |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG XUÂN VƯƠNG             | Thôn Lỗ Giao, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 97.300     | 973.000.000           | 7,000     | 013072747                                                                                   |         |
|     |                              |                                                                                             | Tổng số           | 97.300     | 973.000.000           | 7,000     |                                                                                             |         |
|     |                              |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHÍ THỊ LAN HƯƠNG            | Thôn Lưu Xá, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 97.300     | 973.000.000           | 7,000     | 017219609                                                                                   |         |
|     |                              |                                                                                             | Tổng số           | 97.300     | 973.000.000           | 7,000     |                                                                                             |         |
|     |                              |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | ĐOÀN HOÀNG ANH               | Thôn Tràng, Xã Tam Đa, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 97.300     | 973.000.000           | 7,000     | 031092004478                                                                                |         |
|     |                              |                                                                                             | Tổng số           | 97.300     | 973.000.000           | 7,000     |                                                                                             |         |
|     |                              |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG XUÂN VƯƠNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 25/04/1993

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013072747

Ngày cấp: 16/04/2008

Nơi cấp: *CATP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Lỗ Giao, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Lỗ Giao, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội